

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA

Tăng Trưởng soạn tập

QUYỂN 10

XII- Y chánh cúng dường, có phụ thêm cúng dường pháp.

- 1- Thích Tuệ Thiệu.
- 2- Thích Tuệ Ích.
- 3- Thích Pháp Quang.
- 4- Thích Đại Chí.
- 5- Thích Thông Hội.
- 6- Tỳ-kheo-ni.
- 7- Thư sinh ở phía Tây thành Tinh Châu.
- 8- Thích Tăng Du.
- 9- Mười thứ cúng dường.
- 10- Lợi ích cúng dường.
- 11- Trời Diệu Hoa.
- 12- Trời Bảo Anh.
- 13- Bà lão.
- 14- Ưu-bà-tắc.
- 15- Thích Tăng Đạt.
- 16- Cúng dường Pháp.
- 17- Tỳ-kheo Vô Hành.

1- Thích Tuệ Thiệu chùa Chiêu Đế ở Lâm Xuyên thời Tiền Tống:

Thích Tuệ Thiệu không biết họ gì. Thừa bé, mẹ mớm cho ăn các thứ cá thịt, thì sư liền nhổ ra, còn rau lá thì không sao, từ đó bèn ăn rau quả. Đến năm tám tuổi sư bèn xuất gia làm tăng. Về sau theo sự yêu cầu sư bèn đến trụ chùa Chiêu Đế ở Lâm Xuyên trì tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi lúc tụng đến phẩm Dược Vương, sư thầm có ý muốn thiêu thân, thường thuê người đốn củi chất cao mấy trượng ở động đá ở Đông Sơn,

ở giữa mở thành cái khảm đủ để chứa thân mình, mới trở về lại chùa xếp đặt hết mọi việc cần thiết. Đến ngày thiêu thân, tại Đông Sơn sư lập đại hội cáo biệt, mọi người khắp trong cảnh vực bốn ba xe ngựa tìm đến rất đông và mang lại thứ vàng báu nhiều không thể tính kể. Đến canh một đầu hôm, hành đạo tụng kinh, tự hành hương xong, nắm đuốc châm đốt vào củi và vào trong khảm ấy mà ngồi tụng kinh Pháp Hoa phẩm Dược Vương Bản Sự. Mọi người đều không thấy sư, biết là sư đã đi, lễ bái chưa xong đều đến rất đông, trong lửa dữ tiếng tụng kinh vẫn chưa dứt, lửa cháy đến cổ vẫn còn nghe sư xướng nhất tâm, đại chúng đều thấy có một ngôi sao lớn như cái đầu thẳng xuống trong khói, bỗng chốc lại bay lên trời. Bấy giờ mọi người nhìn thấy đều cho là cõi trời đến đón rước ba ngày sau, củi nhóm mới cháy hết. Trước lúc thị tịch sư có nói với bạn đồng hành rằng: “Chỗ tôi thiêu thân sẽ mọc lên cây ngô đồng, xin thân trọng chớ nên chặt phá”. Sau khi sư thiêu thân ba ngày quả nhiên có cây ngô đồng mọc ở đó.

2- Thích Tuệ Ích chùa Trúc Lâm ở Kinh Đô thời Tiền Tống:

Thích Tuệ Ích, là người ở xứ Quảng Lăng, xuất gia từ thuở thiếu thời, theo thầy đến ở chùa Thọ Xuân. Trong khoảng niên hiệu Hiếu Kiến (454-457) thời Tiền Tống, ra thành đô sư trụ tại chùa Trúc Lâm, riêng năng khổ hạnh, tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa. Mỗi lúc tụng đến phẩm Dược Vương sư rơi lệ than rằng: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, được tốt lành muốn thiêu thân”. Mọi người nghe thế hoặc khen ngợi, hoặc hủy báng, nhiều lời lẫn lộn. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ tư (460) thời Tiền Tống sư mới bỏ ăn gạo dầm, chỉ ăn bánh bột gạo mè. Đến niên hiệu Đại Minh năm thứ sáu (462) thời Tiền Tống sư lại bỏ ăn cả gạo tẻ... chỉ dùng dầu tằm, lại bỏ ăn dầu tằm chỉ uống viên hương. Tuy bốn đại suy yếu nhưng tinh thần kính chánh, nên vua Hiếu Võ Đế Lưu Tuấn (454-465) rất mực kính lạ đến thăm hỏi, ân cần sai Thái Tử Giang Hạ Vương Nghĩa Cung đến chùa can ngăn, sư vẫn giữ chí nguyện không sửa đổi.

Đến ngày mùng 08 tháng 04 niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy (463) thời Tiền Tống, sắp đến ngày thiêu thân, sư bèn đến phía nam của Chủng Sơn đặt vạc chuẩn bị dầu. Sáng sớm ngày đó, sư cưỡi xe trâu và nhờ người dẫn từ chùa đến núi. Vì vua là chỗ nương tựa của muôn dân, lại là nơi gửi gắm Tam Bảo, sư mới tự lực đi vào đài, vừa đến cửa Vân Long không thể bước xuống, sư sai người khải tấu rằng: “Tuệ Ích đạo nhân hôm nay xả bỏ thân mạng nên đến cửa cung kính giả từ, rất vì

Phật pháp, kính ngưỡng nên kính lụy”. Vua nghe thế mặt liền biến sắc, đích thân ra cửa Vân Long. Sư đã gặp vua, lại đem Phật pháp cậy nhờ phó chúc xong bèn từ biệt mà đi, vua cũng tiếp tục theo đến, các hàng hậu, phi đạo, tục sĩ thứ đến đầy cả núi hang, kính dâng y phục, xả thí vật báu nhiều không thể tính kể. Sư vào trong vạc ngồi ở một chiếc ghế nhỏ, dùng các thứ y cụ tự quấn buộc, phía trên lại thêm một cái khăn lớn, tưới dầu vào, sư sắp đến châm lửa, vua bèn sai Thái Tể đến chỗ vạc dầu thỉnh khuyên dụ sư rằng: “Thực hành Đạo có lắm phương cách, vì sao lại tự giết hại thân mạng mình, mong ba lần sư nghĩ lại đi đến đường khác”. Chí khí cao nhã sư đã xác định không có ý niệm hối hận, bèn trả lời rằng: “Tấm thân bé bỏng mạng sống tàn tạ này, sao đâu để dòng lưu lại thiện tâm. Thánh từ đã không như vậy, xin độ cho hai mươi người xuất gia”, vua liền ban sắc cho phép. Sư bèn tự tay cầm đuốc đốt khăn, khăn đã cháy sư mới vất bỏ đuốc, chấp tay tụng kinh Pháp Hoa phẩm Dược Vương, lửa cháy đến lông mày, tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng, đến lúc mất mới mờ tối. Những người sang hèn đều buồn than, âm vang rung chuyển cả hang sâu, không ai chẳng búng ngón tay niệm Phật, sụt sùi đổ lệ, lửa cháy đến sáng hôm sau mới tắt. Khi đó, vua nghe giữa hư không có tiếng kèn sáo và có mùi thơm lạ phảng phất, vua ở lại đó suốt ngày mới trở về cung. Đêm đến vua mộng thấy Sư cầm tích trượng đi đến, lại đem Phật pháp để dặn dò giao phó. Đến sáng ngày, vua lập trai hội, độ người xuất gia, bảo trai chủ bạch rằng: “Đã đầy đủ điềm lành ứng hiện”. Tại chỗ Sư thiêu thân, gọi tên là chùa Dược vương để phỏng theo bản sự.

3- Thích Pháp Quang ở Lũng Tây đời Nam Tề:

Thích Pháp Quang, người ở xứ Lũng Tây, thuộc Tân Châu. Từ thuở thiếu thời, Sư rất có tín tâm, đến năm hai mươi chín tuổi, Sư mới xuất gia chuyên tu khổ hạnh Đầu-đà, chẳng mặc lụa là gấm vóc hay ăn ngũ cốc, chỉ dùng bột lá thông. Về sau, Sư phát nguyện muốn thiêu thân, để cúng dường pháp, mới ăn cao thông và uống các chất dầu suốt nửa năm, đến ngày hai mươi tháng mười năm Vĩnh Minh thứ năm (487) thời Nam Tề, tại chùa Ký Thành ở Lũng Tây, Sư nhóm củi để thiêu thân cho mãn chí nguyện trước. Khi lửa cháy đến mắt, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa lời tiếng vẫn còn rõ ràng, mãi đến lúc mờ mịt mới dần im bật. Sư hưởng thọ bốn mươi một tuổi (ba truyện trên đều rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 12).

4- Thích Đại Chí ở Lô Sơn, thuộc Cửu Giang, đời Tùy:

Thích Đại Chí họ Cổ, người xứ Sơn Âm, Cối Kê. Đến lúc phát tâm xuất gia Sư thờ Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai. Ngài Trí Khải (=Giả) thấy Sư hình dáng thần thái sáng sủa cao vượt ngoài vật, do đó bèn đặt tên Sư là Đại Chí, Sư chuyên tu thiền tụng để làm hạnh nghiệp, chánh tu khổ hạnh tiết chế tự chuyên. Tiếng Sư vang khắp bốn phương, không nơi nào chẳng đến, hơi tiếng Sư lắng trong hòa mục, nghi tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, nên những người nhìn thấy đều biết Sư chẳng phải phàm khí.

Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười (590) đời Tùy, Sư đến Lô Sơn, trụ chùa Phong Đảnh, chẳng lệ thuộc vào công danh, không tham dự trong tăng chúng, Sư trì tụng kinh Pháp Hoa rõ ràng nhàn nhã, tài năng vượt hẳn lời tiếng trầm bổng trong sáng, khiến người nghe quên cả nhọc mệt. Về sau, Sư đến phía Nam đánh núi Cam Lộ ở Hoa Sơn tạo dựng đạo tràng Tĩnh quán, chuyên tu Đầu-đà lấy làm chánh nghiệp, chỉ một thân mình mà chẳng trốn lánh đối địch với hổ. Nơi nào có thú dữ độc ác, Sư liền tìm đến đó, nhưng các thú đều trốn lánh chẳng dám làm hại. Ở núi gạo thóc đã hết sạch, suốt ngày Sư quên ăn, hoặc chỉ ăn dùng bánh trái duy trì mạng sống mà thôi. Người ngoài trông thấy đều chẳng chịu nổi sự khổ não ấy, mà Sư vẫn an nhiên, dung mạo nhan sắc vẫn như cũ. Suốt bảy năm, chuyên hành thiền nghiệp không gián đoạn. Về sau, Sư trụ chùa Hội Phước Lâm cũng ở tại núi đó.

Đến gần cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, khắp nơi đều lắng trờ, Sư lưu lạc ẩn dật, bùi ngùi cho Phật pháp bị lấn lướt đến nỗi như thế, Sư mới đổi sắc phục, hủy hoại hình thể, trên đầu quấn bịt sắc phục hiếu tử, dùng vải bố thô xấu làm áo mặc, vào Phật đường lớn tiếng gào khóc suốt ba ngày ba đêm không dứt. Chư tăng trong chùa an ủi dẫn dụ: “Tôi than bởi nghiệp ác mới đến nỗi này, muốn dùng hình hài này để làm sáng tỏ chánh pháp”. Bèn đến Dương Đô, dâng biểu tấu trình rằng: “Nguyện xin bệ hạ hưng hiển Tam bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở tại Trung Sơn để báo đáp ân đức của nước nhà”. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) chấp nhận, ban sắc mở trai hội lớn, cả bảy chúng đồng nhóm họp, Sư bỏ ăn ba ngày, lên trên gác lớn, đốt tấm sắt nóng đỏ để áp vào cánh tay khiến cho cháy nám, lại dùng dao cắt đứt, xé thịt cho xương cốt lộ ra, lại áp tiếp xương cốt ấy cho cháy đen, rồi dùng vải bố lót sấp giọt xuống lửa để đốt, ánh sáng chiếu rọi khắp cả núi non. Khi ấy cả đại chúng thấy Sư hành khổ như thế đều đau xót cõi lòng thấu cả xương tủy, chân đứng không yên, mà Sư tuy thiêu đốt áp vào lửa nóng

nhưng ngôn từ và nhan sắc không thay đổi, nói cười vẫn như lúc đầu. Khi đó, hoặc Sư trì tụng kinh Pháp Hoa, hoặc tán thán công đức của Phật, hoặc vì đại chúng mà giảng pháp, lời tiếng không ngưng. Khi cánh tay đã đốt cháy hết, như trước, Sư xuống gác, suốt bảy ngày nhập định, ngồi kiết già mà thị tịch, khi ấy Sư vừa mới bốn mươi ba tuổi.

5- Thích Hội Thông ở cốc Báo Lâm núi Chung Nam đời Đường:

Thích Hội Thông người ở xứ Ngự Túc Xuyên, Vạn Niên, Ung Châu. Từ thuở thiếu thời Sư mến chuộng Đạo Kiếm, đi khắp núi rừng khổ tiết giới hạnh, đó là thói quen đoái hoài của Sư. Sư vào cốc Báo Lâm ở núi Chung Nam, trầm ẩn hành nghiệp, đọc tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, nên mến chuộng đức hạnh, nhằm chán muốn xả thân, chất củi thệ nguyện phải thực hành theo đó. Đến khoảng cuối niên hiệu Trinh Quán (650) đời Tiền Đường, giữa đêm vắng lặng trong rừng, Sư chất củi làm thành hang trì tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương, rồi châm lửa, gió bốc phát cháy, lửa khói đều lớn mạnh, Sư vẫn ngồi kiết già tự nhiên, tiếng tụng kinh vẫn vang, bỗng chốc sau đó từ phía Tây nam có một vầng ánh sáng trắng lớn soi chiếu vào trong nhóm lửa, thân Sư mới ngã. Đến sáng sớm, lửa tắt hết, mới thấu nhật di cốt Sư, dựng lập tháp bia minh, đến nay vẫn còn.

6- Hai chị em Tỳ-kheo-ni ở Tinh Châu:

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, ở Tinh Châu, có hai chị em Tỳ-kheo-ni đồng trì tụng kinh Pháp Hoa, rất nhằm chán thân, đều muốn xả bỏ thân mạng, tiết giảm ăn mặc, kính sùng khổ hạnh, uống ngậm các thứ dầu thơm, dần bỏ ăn gạo thóc, sau dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn dùng mật thơm, tinh lực vẫn sung mãn, thần chí vẫn sáng sủa. Đồng báo với các đạo tục ấn định ngày sẽ thiêu thân. Đến ngày mồng 08 tháng 02 niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba (629) thời Tiền Đường, ngay giữa đường ngã tư ở Tinh Châu, lập hai tòa cao, dùng vải bố lót sắp quán buộc thân mình lên đến đánh đầu chỉ để lộ ra mặt mắt. Mọi người nhóm họp đông như núi, tán thán như mây giăng, hai vị trì tụng kinh Pháp Hoa đến chỗ thiêu thân, người chị trước lấy lửa châm vào đánh đầu người em và người em lại lấy lửa châm vào đánh đầu người chị, giữa đêm tầm tối, hai ngọn đuốc đồng một lúc tỏa sáng, lửa cháy đến mặt, tiếng tụng kinh vẫn còn rõ ràng, dần xuống mũi miệng mới tắt. Đến sáng sớm hôm sau cả tòa đều rỗng không, đồng một lúc lửa thiêu đốt hài cốt đều cháy sạch, chỉ có hai chiếc lưỡi vẫn còn, cả đại

chúng đồng cung kính tán thán, và dựng tháp cao để thờ.

7- Thư sinh ở phía Tây thành Tịnh Châu.

Ở phía Tây thành Tịnh Châu có một thư sinh khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, phát nguyện đốt thân cúng dường, bèn gom góp vài bó rơm khô làm thành cái khảm, có người hỏi về lý do, thì cố giấu kín không nói. Về sau vào lúc nửa đêm, châm lửa tự thiêu, đến lúc mọi người đến cứu thì lửa đang cháy mạnh và đã chết, nên mọi người bèn chắt thêm củi để thiêu hết hình hài ấy.

8- Thích Tăng Du trụ chùa Chiêu Đế ở Lô Sơn thời Tiền Đường:

Thích Tăng Du họ Chu, người ở xứ Dư Hàng, Ngô Hưng năm hai mươi tuổi ngài xuất gia, hạnh nghiệp tinh thuần.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười lăm (438) thời Tiền Tống, Sư cùng các bạn đồng học như Sa-môn Đàm Ôn, Tuệ Quang v.v... đến ngọn phía Nam núi Lô Sơn đồng dựng tịnh xá đề hiệu là “Chiêu Ẩn”. Sư thường lấy làm kết lụy ba đường tình hành sắp tận, do đó thân hình cũng nên vất bỏ, dấu vết của Bồ-tát Dực Vương riêng sao xa thế? Từ đó Sư thường phát lời thệ nguyện rằng: “Thệ mới khế hợp thiêu thân”.

Đến ngày mồng ba tháng sáu niên hiệu Hiếu Kiến năm thứ hai (455) thời Tiền Tống, Sư chất củi làm khảm, thỉnh chư tăng lập trai hội, báo với đại chúng mà giã biệt. Ngày đó, mây sương tối sầm, mưa kín buốt lạnh, Sư bèn phát lời thệ nguyện rằng: “Nếu chí nguyện của tôi nhất định rõ ràng thì trời sẽ trong sáng lại, còn nếu không có cảm ứng thì sẽ mưa giàn giụa khiến cho bốn chúng đây biết thần ứng không mờ tối”. Vừa nói xong, mây tan sáng tạnh, đến canh đầu hôm Sư vào khảm củi, chấp tay ngồi thẳng, trì tụng kinh Pháp Hoa phẩm Dực Vương, khi lửa mạnh đốt đến, Sư vẫn chấp tay không tan. Các đạo tục nghe biết đua nhau chạy đến núi ấy, đều cúi đầu đảnh lễ, nguyện kết nhân duyên, khắp thân Sư phát ra ánh sáng màu tím bay vọt giữa hư không, lâu sau mới biến mất. Lúc đó Sư bốn mươi bốn tuổi.

Mười bốn ngày sau đó trong phòng Sư mọc hai cây ngô đồng cành rẽ đều tươi tốt, lớn bé như nhau, cành tốt lớn thẳng, bèn thành cây đặc biệt. Lý Thức cho đó là “cây báu ở Ta-bà”, biết rõ Niết-bàn. Sư bèn cản ngăn nên hiện điềm chứng. Do đó, gọi là “Song Đồng Sa-môn”.

Có Trương Biện ở Quận Ngô đang nhậm chức Bình Nam Trưởng Lại đích thân đến xem xét sự kiện ấy, và tạo lời truyền tán rằng:

Bài một:

*“Dằng dặc huyền cơ
Mật mờ chỉ đạo
Ra sinh vào tử
Gì là diệu thật”.*

Bài hai:

*“Từ xưa Dược Vương
Khác hóa tuyệt luân
Trước nghe nói thế
Nay thấy người này”.*

Bài ba:

*“Sa-môn hùng tài
Tâm bền định tuệ
Ngừng thần khí tím
Bày vết song thọ”.*

Bài bốn:

*“Đức ấy đáng ưa
Tiết tháo đáng quý
Văn từ mở nói
Thử vạt phảng phất”.*

9- Ghi về mười thứ cúng dường:

Trong “Tiêu Dao Niên Ký” có nói rằng: “Pháp sư Cưu-ma-la-thập người ngoại quốc bắt đầu từ mùa đông niên hiệu Hoàng Thỉ năm thứ bảy (404) đời Diêu Tần dịch kinh Pháp Hoa mới hoàn tất trọn một bộ gồm bảy quyển hai mươi tám phẩm. Qua tháng giêng năm sau (405) đem bản kinh để xem xét và tạo kinh bản chữ vàng, dùng bảy món báu để trang nghiêm, màu vàng rực cả vườn (tiêu dao), các đạo tục đông như chợ, chiêm ngưỡng lễ bái. Ngài La Thập cảm mộng rằng thiếu mất bốn chữ “một trần một kiếp” (mỗi mảy bụi làm một kiếp), Sư lại xem xét bản Phạm quả nhiên đúng như điềm mộng. Tần Vương rất vui mừng nói rằng: “Pháp sư Cưu-ma-la-thập rất được ý chỉ của kinh, tốt đẹp hợp với thánh tâm, chỗ chép trước thiếu bốn chữ ấy, tìm xét nơi văn kinh mà tiếp nối”, và vua hỏi ngài La Thập rằng: “Trẫm muốn đúng như pháp để cúng dường quyển kinh như thế có bao nhiêu pháp thức?”. Ngài La-thập nói: “Nếu muốn đúng như pháp để cúng dường quyển kinh cần phải y theo trong kinh nói, lược có mười thứ cúng dường, một là hoa, hai là hương, ba là chuỗi anh lạc, bốn là hương mật, năm là hương xoa, sáu là hương đốt, bảy là phan lọng, tám là y phục, chín là kỹ nhạc và mười

là chấp tay cung kính”.

Vua nói: “Chẳng hay các thứ hương hoa như thế nào?”. Ngài La-thập trả lời: “Hương là hương hải ngạn, hương xạ, hương uất viêm, hương tô hợp v.v... dùng hương tinh khiết thanh tịnh, vất bỏ hương bất tịnh, chẳng phải bôi thoa làm cát bụi. Hoa là hoa thủy lục thời như các loại hoa sen v.v..., nếu lúc không có hoa thì dùng bảy món báu làm thành, phỏng định như bốn thứ hoa Mạn-đà-la v.v... và thời diệu hoa. Ở ngoại quốc thì dùng hoa sen trắng, hoa duyệt ý v.v... anh lạc là dùng các châu báu làm thành, phỏng định như châu ngọc như ý, châu ngọc ma ni anh lạc, châu ngọc anh lạc v.v... ở ngoại quốc thì dùng trăm thứ tạp báu anh lạc. Hương mặt là bôi xoa rễ cành cây v.v... nếu hoa với nước thì làm hương xoa như trầm thủy v.v..., nếu hợp với lửa thì làm hương đốt như huân hương v.v..., phan lọng là dùng tơ mới sạch thanh tịnh. Ở ngoại quốc dùng tơ ngó sen v.v..., các thứ tuyệt phục như y phục thiện diệu kỹ nhạc tức là dùng đàn, sáo, ống tiêu, ống địch, không hầu v.v... Chấp tay tức là đem tâm cung kính mà cúng, dùng chấp tay như hoa sen, đều dùng nghiêm khiết thanh tịnh nương nhờ ở sự mà tỏ ngộ lý”.

Vua lại hỏi: “quả báo ấy như thế nào?”. Ngài La-thập đáp: Quả báo thì có xa có gần, gần thì y theo cuộc tình chẳng liên quan đến thiện thể, xa thì được thành tựu quả Phật”.

Vua lại hỏi: “Quả cuộc tình gần và diệu quả xa ấy như thế nào?”. Ngài La-thập trả lời: “cúng dường như thế quả báo rất vi diệu, chư Phật đều ngợi khen. Vả lại như xưa kia, lúc Đức Phật tại thế, có Tỳ-kheo Chiên Đàn Hương Khẩu, qua chín mươi một kiếp ở trong nhân gian và trên cõi trời, các lỗ chân lông trên thân đều thoảng ra mùi thơm Chiên-đàn, trong miệng thường thoảng mùi hương hoa Ưu-bát-la. Đến sau cùng gặp được Phật và chứng đắc quả A-la-hán, thành đạt ba minh, sáu thứ thần thông, đủ tám pháp giải thoát. Đó là do sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi diệt độ, dùng hương cúng dường tháp mà được quả báo như thế. Ở trong thành Ca-tỳ-la, xưa kia đồng ở trong một ấp làm kỹ nhạc, cầm hương hoa đến cúng dường tháp Phật, nên suốt chín mươi một kiếp chẳng đọa vào đường ác, đồng hưởng thọ vui sướng, gặp Phật thì hết khổ. Có thiên hoa xưa kia lấy hoa cỏ đầm hoang đồng trống tung rải trên chúng tăng, nên sinh ra nơi nào thường có mưa hoa trời. Có Tỳ-kheo Diệu Đức rải hoa héo úa trên tháp, cũng lại như vậy. Tại ngoại quốc có một vị Bà-la-môn phạm ba thứ tội nghịch giết cha, giết mẹ và giết A-la-hán, về sau sinh tâm sám hối, dùng các thứ hương hoa cúng dường kinh sách nên tội cấu dần giảm nhẹ, vì có các nghiệp khác nên

tuy đọa vào chốn địa ngục, nhưng với lửa dữ nước sôi đều tự cho như là nước suối ấm, vào trong đó rất vui sướng, nơi thân có mùi thơm lạ. Các tội nhân nghe liền được sinh lên các cõi trời. Có vua Thiện Hoa dùng phan lọng che phủ trên miếu Bích chi Phật, cảm quả hạnh nghiệp làm vua, Tỳ-kheo Hoa Cái dùng lọng cỏ che tháp nên suốt trong chín mươi mốt kiếp, lọng hoa thường che thân mình. Diệu Âm dùng kỹ nhạc cúng dường Phật, cho đến chư Phật ở quá khứ, đều thành tựu quả Phật lúc đầu mới phát tâm dùng một cành hoa một cây hương để cúng dường Phật, như ngàn Đức Phật trong hiện kiếp thì như Đức Như Lai Chấp Hoa từ Đức Phật Duyệt Ý, lúc mới phát tâm, đem y phục tốt đẹp và các thứ danh hương dâng cúng Đức Phật đó, nhờ đó mà được thành Chánh giác. Đức Thiện Tư Như Lai từ Đức Phật Phổ Quán, lúc đầu mới phát tâm, hái một cành hoa sen dâng cúng lên Phật ấy, nhờ đó được thành Chánh giác. Đức Hiền Trọng Như Lai từ Đức Phật Đại Thanh Hỷ dâng cúng các thứ tạp hương, nhờ đó mà đạt thành Chánh giác. Đức Nhân Tĩnh Như Lai từ Đức Phật Vô Thượng, lúc mới phát tâm dâng cúng chuỗi châu anh lạc, từ đó mà thành Chánh giác. Các thứ quả báo đạt được xa gần như thế không thể nêu hay ghi chép đầy đủ, huống chi đối với kinh Pháp Hoa mà về cúng dường, dùng trí tuệ Phật còn không thể biết được ngần mé công đức ấy!”.

Vua nghe nói như thế, tâm ý khai mở, điều đặt các thứ cúng cụ, nghiêm tịnh đường xá, rải hoa rải nước, vua tôi đại chúng cao bày ở đường lớn, dùng hòm vàng để đựng kinh, tôn trí trên bàn, vua tự mang đội trên đánh đầu, có ba ngàn vị Tỳ-kheo khen ngợi dẫn trước, an tường tu hành vào chùa lớn, dùng mười thứ cúng dường mà cúng dường, có các vì sao hiện lại cõi mây ở giữa hư không, người thấy rất nhiều, có mây lọng năm màu mù mịt rũ bủa trên Tiêu Dao, hiện tiền chưa từng có. Bấy giờ đang là ngày 15 tháng có trăng (rằm), lúc vào đêm Tần Vương và hậu phi, vương mẫu, thế nữ đều ở trong tịnh thất bên cạnh Phiêu Kinh Quán. Vua tự mộng thấy đất ở vườn Tiêu Dao như rộng thoáng trang nghiêm cõi tịnh. Bồ-tát Văn-thù ở đó mở cao đề mục, đại chúng Bồ-tát từ chín phương đều đến, bày các thứ cúng dường khắp cả chín phương. Vua thưa việc ấy với ngài La-thập. Ngài La-thập bảo: “đó là do đức tin của bệ hạ mà cảm nên. Đại giáo Pháp Hoa rất có duyên với nước này. Từ sau khi Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn diệt độ, cảm ứng như thế thật là hiếm có. Đến sáng ngày hôm sau mỗi việc tự tan. Ngài La-thập khen rằng: “Đây là Phật sự thứ ba ở Diêm-phù-đề” (văn ghi rất rộng, đây chỉ nắm lấy ý mà nêu).

10- Sau khi Đức Thích Tôn diệt độ, người thọ trì cúng dường kinh điển đến lúc Đức Di-lặc ra đời sẽ được lợi ích:

Trong “Pháp Trụ Ký” nói rằng: “Đức Di-lặc Như Lai thành Đẳng chánh giác rồi, vì các chúng Thanh văn lập nên ba hội giảng pháp, giúp thoát khỏi sinh tử mà chứng được Niết-bàn, cho đến như các vị vua quan thí tất cả ở trong chánh pháp của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai nơi đời này có khả năng làm các Phật sự, gieo trồng gốc lành, hoặc chỉ dạy người gieo trồng, nghĩa lại đối với kinh tạng Đại thừa, tất cả kinh điển Đại thừa tương ứng với tánh không sâu xa, như các kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, kinh Kim Quang Minh, v.v..., các kinh điển Đại thừa như thế có trăm câu chi bộ, sai biệt Tỳ-nại-da, Thanh văn Tam tạng, ở trong chánh pháp tạng như thế... hoặc do Đức Phật giảng nói, hoặc do các vị Bồ-tát giảng nói, hoặc do các vị Thanh văn giảng nói, hoặc do chư Thiên giảng nói, hoặc do các bậc trí giả giảng nói, dẫn đến các pháp nghĩa lợi, cho đến có thể đối với bốn câu kệ tụng, mà tự đọc tụng hoặc khuyên bảo người đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc khuyên bảo người thọ trì, hoặc tự giải thích hoặc khuyên bảo người giải thích, hoặc đối với vị Pháp sư mà cung kính cúng dường, hoặc đối với kinh sách mà cung kính cúng dường, nghĩa là dùng các thứ hương, hoa, phướn lọng, kỹ nhạc, đèn đuốc mà cúng dường, hoặc đối với kinh sách mà dùng các thứ tạp lỵa bông tơ mà trang sức. Do năng lực các gốc lành như thế v.v... nên đến lúc Đức Di-lặc Như Lai thành Đẳng chánh giác, khéo được thân người ở trong hội pháp thứ hai của Đức Phật ấy. Dùng tín tâm thanh tịnh, xả bỏ thế tục vào nhà Như Lai, cạo bỏ râu tóc, đắp mặc pháp phục. Đã dự vào hàng thánh chủng, thì tùy nguyện lực thuở xưa mà chứng được Niết-bàn, đó gọi là làm Pháp sư trong pháp hội thứ hai người gieo trồng thiện căn có được quả báo như vậy (trong kinh Pháp Vân ghi chép phân nhiều đồng như văn này).

11- Thiên nữ Diệu Hoa ở ngoại quốc:

Xưa, ở ngoại quốc có một tháp sắt cao hơn một trượng, trong đó tôn trí các kinh Phân-đà-lợi Ca-la-sai-ma, Ma Ha Tỳ-lô-xá-na v.v... bản Phạm, mỗi kinh có đến trăm ngàn bài kệ tụng. Bấy giờ có một Thiên nữ thường lúc về đêm đem các thứ hoa trời Mạn-đà-la đến cúng dường tháp sắt. Có một vị Tỳ-kheo du khách đến dừng nghỉ qua đêm trong tháp, đến nửa đêm thấy Thiên nữ đến, bèn hỏi rằng: “Người là ai?”, Thiên nữ đáp rằng: “Tôi là Thiên nữ Diệu Hoa ở cõi trời Đạo-lợi, là thị nữ của Thích Đề-hoàn Nhân”. Vị Tỳ-kheo ấy lại hỏi: “Có nhân duyên gì mà người đến cúng dường?” Thiên nữ đáp: “Xưa tôi là một kẻ bần

nữ xin ăn để tự nuôi sống, ở bên cạnh có cái hồ tên là Diệu Trì, giữa lúc tháng nắng mùa hạ, hoa sen bốn sắc nở khắp, mọc lên trong đó, các vị Bà-la-môn v.v... ở các nước đua nhau đến hái hoa, lập pháp hội Liên Hoa, khi đó tôi phát tâm tin nhỏ nhiệm hái hai cành hoa sen trắng cúng dường các kinh Phân-đà-lợi Ca v.v... ở trong tháp. Nhờ một chút thiện căn ấy mà được sinh lên cõi trời Đao-lợi làm thị nữ của Đế Thích, vì y theo bản duyên nên được gọi tên là Diệu Hoa. Muốn báo đáp hồng ân của pháp báo nên tôi thường đến cúng dường”. Nói xong, Thiên nữ biến mất không còn hiện nữa. Vị Tỳ-kheo ấy xả thí tất cả y bát mua hoa cúng dường tháp và kinh sách (rút từ yếu tập).

12- Thiên tử Bảo Anh ở cõi trời Đao-lợi:

Xưa, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Dương, cho may năm trăm pháp y Ca-sa để cúng dường năm trăm vị A-la-hán ở trên đỉnh núi Tu-di. Vua nói với ngài Bảo Chí rằng: “Nên lên cõi trời Đao-lợi dâng cúng pháp y của vua Võ Đế”. Khi đó có một vị Thiên tử tên là Bảo Anh thân mặc y phục chuỗi châu anh lạc, vượt hơn vua trời gấp trăm vạn lần, ánh sáng chiếu soi khỏa mờ các vị trời khác. Ngài Bảo Chí hỏi: “Nhờ nhân gì mà y phục anh lạc của người đặc biệt như thế?”. Thiên tử Bảo Anh đáp: “Xưa tôi sinh ở nước Hoa Thị trong cõi Diêm-phù-đề, là con của một vị trưởng giả, tôi đem y phục anh lạc đang mặc để cúng dường diệu pháp, do nhân duyên ấy nên sinh trong cõi trời này có được y phục, anh lạc vượt hơn vua trời gấp trăm ngàn vạn lần”. Lại có vị Thiên tử khác tên là Diệu Vân hình sắc đoan chính có trăm ngàn Thiên nữ thường luôn vây quanh. Ngài Bảo Chí hỏi về nhân duyên, liền đáp rằng: “Xưa trước tôi ở tại ấp Tất-ba-la nước Ma-kiệt-đà dùng hoa cúng dường diệu pháp, nên được quả báo ở cõi trời như thế này! Có trăm ngàn vị trời có oai đức đều do cúng dường diệu pháp mà được quả báo như thế”. Ngài Bảo Chí trở lại nhân gian tỏ bày đầy đủ như vậy.

13- Lão nữ ở huyện Trường An:

Ở huyện Trường An có một lão nữ không biết tên họ là gì, lão nữ ấy mù điếc câm ngọng bị người rất xem thường. Bấy giờ, ở chùa lớn đang giảng kinh Pháp Hoa bản mới dịch của ngài La-thập, người cháu kéo tay dẫn đến chùa. Lão nữ ấy tuy đến chỗ chùa lớn, vì mù điếc nên không thấy không nghe, người cháu bèn nắm hai tay lão nữ mà chấp lại hướng về phía giảng tử. Trong tâm lão nữ vẫn còn ý niệm chấp tay kính lễ. Sau đó ba tháng lão nữ bỗng nhiên qua đời, người cháu muốn tổ chức

an táng, nhưng vì lão nữ còn chút hơi ấm, nửa đêm đến canh ba bỗng nhiên mở tiếng gọi người cháu, người cháu cho là yêu quỷ, trong lòng rất khiếp sợ không dám đáp lại. Đến sáng sớm thấy lão nữ ấy ngồi dậy, hai mắt đều tỏ sáng, nói năng như người thường, người cháu hỏi: “Quỷ đầu sở nào đó?” Lão nữ đáp: “Tôi chẳng phải là yêu quỷ, lúc mới chết, bị Minh Quan dẫn đến chỗ vua, vua từ tòa xuống chấp tay hướng về tôi mà nói: “Người là người có công đức lớn, vì chấp tay cúng dường kinh Pháp Hoa, các nghiệp chướng đều tiêu hết, các chi căn được trở lại như cũ, thọ mạng hiện còn thừa, nên sớm trở lại nhân gian, nói bày về công đức năng lực của kinh Pháp Hoa. Tôi liền đi ra được ít bước thì thần thức nhập vào bốn thân, mất tai bình phục, nói năng được như thế này”. Trải qua nửa ngày ăn uống như thường lệ, lão nữ cùng người cháu đến chùa lớn, nói bày nhân duyên ấy. Mọi người thấy nghe đều cảm mừng vui. Lão nữ ấy xả thí chỗ ở để cúng dường kinh. Không biết đến lúc cuối cùng như thế nào (rút từ Viên ký).

14- Vị Ưu-bà-tắc ở huyện Giang Ninh:

Ở huyện Giang Ninh có vị Ưu-bà-tắc hay tin theo các thuyết Tiểu thừa, Câu-xá v.v... chẳng chịu tin theo giáo pháp Đại thừa. Bấy giờ huyện chủ cùng các đạo tục tạo kinh Pháp Hoa bản chữ vàng đặt bày cúng dường, các sĩ nữ xem thường của cải kính trọng chánh pháp. Khi đó, vị Ưu-bà-tắc kính pháp Tiểu thừa ấy không vui tâm ý lắm nhưng cũng cúng dường cái chén để xông hương. Qua bảy năm sau, không bệnh mà tự nhiên chết, người này lấy làm lạ chưa vội an táng, đến chiều ngày hôm sau được sống lại, buồn khóc ngã xuống đất, chết ngất rồi sống lại, nói với vợ rằng: “Lúc tôi mới chết, trước thấy một tòa thành lớn như là thành bằng vàng, trong thành có nhiều điện đường trang nghiêm kỳ diệu vàng bạc trường lớn, lưu ly lụa trắng, rất đáng ưa thích, ở phía ngoài thành có nhiều dãy nhà trắng nối tiếp nhau, từ trong thành có một đồng tử đi ra nói với tôi rằng: “Ông là người Tiểu thừa, không thể vào trong thành lớn, chỉ được ở nhà trắng ngoài thành. Trong thành chỉ để giành cho người Đại thừa ở mà thôi”. Khi đó nhìn vào trong thành thấy có các cung điện phần nhiều không có người ở, tôi bèn hỏi đồng tử rằng: “Vì sao cung điện không có người ở”. Đồng tử đáp rằng: “Những người cúng dường Đại thừa ở huyện Giang Ninh sẽ sinh sống trong cung điện ấy, vì những người ấy còn ở nhân gian nên trong cung điện này không có người ở”. Khi đó tôi nhớ biết xưa có cúng thí cái chén để xông hương, nên nói với đồng tử rằng: “Tôi cũng có cúng

dường kinh Pháp Hoa, sao lại ở chỗ nhà trắng này?”. Đồng tử bảo: “Ta cũng biết việc ấy, người giúp cúng dường xông hương nên được ở gần nơi thành vàng, chẳng phải cúng dường trực tiếp không nên thể vào thành. Nếu muốn vào thành thì sớm trở lại nhân gian cúng dường diệu pháp. Nếu người cúng dường kinh sách, thì sẽ sinh đến xứ này”. Tôi liền bái từ, sắp trở về lại hỏi đồng tử rằng: “Ông là ai và xứ này tên là gì?” Đồng tử đáp: “Ta là Văn-thù-sư-lợi và xứ này là thế giới kim sắc, vì người có tiểu tâm nên thấy thành này nhỏ hẹp, còn như các bậc đại nhân thì thấy cõi này vi diệu rộng thoáng”. Nói xong, thành và đồng tử bỗng nhiên biến mất không còn thấy nữa. Vị Ưu-bà-tắc giác ngộ như mộng, bèn phát tâm dốc hết gia nghiệp tạo kinh bản chữ vàng, tu hành đúng như pháp mà cúng dường. Mọi người thời bấy giờ đều cho rằng: “Tạo kinh bản chữ vàng sẽ sinh về thế giới kim sắc”.

15- Thích Tăng Đạt trụ chùa Bạo Bố, núi Thiên Thai, đời Tùy:

Thích Tăng Đạt họ Khương người xứ Đài Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, giảm bỏ ăn tiết chế khổ hạnh, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Vào niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) đời Tùy, Sư phát nguyện ghi chép kinh Pháp Hoa, nhưng chưa được cúng dường, mắc bị cơn bệnh xưa phát lại nên bị chết. Do các hạnh nghiệp tạo ác xưa nên thần thức dẫn đến sảnh vua Diêm-la. Vua thấy Sư đến bèn đứng dậy đến nghinh đón mời vào chánh điện ở trong sảnh, khi đã an tọa rồi, vua mới nói rằng: “Đại sư vì hạnh nghiệp tạo tác xưa nên đến chỗ tôi, nhưng vì đại sư chép kinh Pháp Hoa còn chưa kịp cúng dường, hãy sớm trở lại nhân gian. Lại ban xá tất cả các tội nghiệp tạo tác khi xưa, đại sư sẽ sinh về cảnh giới tịnh độ”, nghe vua nói lời ấy rồi Sư im lặng đi ra, thần thức nhập vào bốn thân mà sống lại bèn trang nghiêm kinh trục, cúng dường kinh điển. Sau đó không biết Sư đi đến xứ nào (rút từ Tự Ký).

16- Pháp cúng dường là cao quý:

Về thuở xa xưa, khó nhận biết thời hạn, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, thế giới ấy tên là Đại Thanh, kiếp đó tên là Tịnh Trụ. Đức Dược Vương Như Lai thọ hai mươi trung kiếp, các chúng Thanh văn có ba mươi sáu ức vị, các chúng Bồ-tát đại sĩ có mười hai ức vị. Vua Chuyển luân thánh vương lúc bấy giờ tên là Bảo Cái làm chủ khắp cả bốn khu vực, vua có ngàn người con. Vua cúng dường Đức Dược Vương Như Lai suốt năm trung kiếp, cùng các quyến thuộc và tất cả bố thí, phụng kính Đức Dược Vương Như Lai, qua năm trung kiếp,

vua bảo ngàn người con rằng: “Ta cúng dường kính hầu Đức Như Lai, các con cũng phải thuận theo việc làm của ta”. Khi đó ngàn người con đều nghe theo lời vua cha dạy bảo, lại suốt năm kiếp cúng dường Đức Dược Vương Như Lai dùng các thứ thượng diệu mà dâng cúng, chẳng trái sự an đặt. Lại thái tử thứ nhất của vua tên là Thiện Cái nhàn cư riêng một nơi vắng lặng suy nghĩ rằng: “Nay chúng ta cúng dường Đức Như Lai đâu có khác hơn kia ư?”. Nương theo oai thần của Đức Phật nên từ giữa hư không có vị trời đến nói với Thiện Cái rằng: “Dòng họ người há muốn biết ư? Có pháp cúng dường tối tôn không cùng cực”. Thiện Cái lại hỏi rằng: “Thế nào gọi là Pháp cúng dường?” Vị trời bảo: “Người nên đến hỏi Đức Dược Vương Như Lai, ngài sẽ khắp vì các người mà giảng nói phân biệt rõ ràng”. Thiện Cái liền đứng dậy đến chỗ Đức Dược Vương Như Lai, cúi đầu thỉnh lễ sát đất, bạch cùng Đức Dược Vương Như Lai rằng: “Pháp cúng dường kính thuận phép tắc là như thế nào?”. Đức Dược Vương Như Lai dạy rằng: “Pháp cúng dường là thuận theo kinh điển do Đức Như Lai giảng nói mà khai hóa tất cả, đó nghĩa là cúng dường pháp”. Vương tử Thiện Cái từ Đức Dược Vương Như Lai nghe được pháp cúng dường, liền chứng được nhu thuận pháp nhãn, bèn xuất gia tu đạo chứng đắc các thần thông.

Phật dạy: “Vua Bảo Cái thời bấy giờ đâu phải người nào lạ, mà chính là Đức Phật Bảo Đăng Như Lai hiện nay. Ngàn người con của vua lúc bấy giờ tức ngàn Đức Phật trong Hiền kiếp này. Thái tử Thiện Cái tức nay con ta, là Thích-ca Mâu-ni đây vậy, cho nên phải biết trong các thứ cúng dường không gì hơn cúng dường pháp. Chư Phật ở quá khứ ở vị lai và hiện tại đều từ đó mà lưu xuất. Muốn được cúng dường chư Phật ở mười phương, thì phải thọ học kinh Pháp Hoa, hành trì đọc tụng, giảng nói tất cả, phân biệt giáo nghĩa nhất thừa, không có ba thừa”. Nên có lời tụng rằng: “Nếu có người muốn cúng dường thì phải thọ trì kinh Chánh Pháp Hoa này” (rút từ kinh Pháp Hoa). Lại như Hoa Thủ có bài kệ tụng rằng: “Nếu người dùng các thứ hoa, hương xoa, y phục và thuốc thang để cúng dường Phật thì đó chẳng phải chân thật cúng dường, mà đối với pháp vi diệu của Đức Như Lai ngồi nơi đạo tràng đã chứng đắc, người nào có thể tu hành mới là chân thật cúng dường. Nên biết cúng dường kinh Pháp Hoa là cúng dường hơn hết mà thôi.

17- Tỳ-kheo Vô Hành:

Xưa kia tại ngoại quốc có một vị Tỳ-kheo tên là Vô Hành thường tu pháp cúng dường, nghĩa là đối với các kinh do Phật giảng nói như

Diệu pháp Liên Hoa v.v... tất cả trong đời khó tin khó hiểu khó nhận thọ khó thấy nghe mà có thể tin, có thể hiểu, thọ trì đọc tụng, dùng năng lực phương tiện vì các chúng sinh phân biệt giải thích nêu bày rõ ràng, giữ gìn pháp tạng, đó gọi là cúng dường pháp, người tu hành được cúng dường pháp thì chư Phật ở mười phương như muôn vì sao mà hiện, khác miệng đồng lời nói kệ tụng rằng:

*“Dù cho dùng vô lượng vật báu
Cúng dường chư Phật khắp mười phương
Chẳng bằng với một kệ Pháp Hoa
Thọ trì đọc tụng được thành Phật.
Giả sử cùng khắp cõi đại thiên
Đoạn hết căn lành, còn chút đạo
Nếu nghe một câu kệ Pháp Hoa
Công đức vun tâm chóng thành Phật”.*

Tỳ-kheo Vô Hành nghe chư Phật nói kệ tụng ấy rồi, bèn vào sâu Pháp nhãn vô sinh. Đó là lợi ích của cúng dường pháp (rút từ sự ghi chép của Thiền sư Giác).

Tất cả trên đây y cứ theo các truyện ký của Tây Vực và mọi sự thấy nghe rồi ghi chép lại của các bậc hiền thánh ở xứ này (Trung Hoa), tôi (Tăng Tường) rút lấy nội dung chính mà ghi. Trong đây hoặc có tương truyền mà không vốn có văn bản, hoặc thấy nghe gần gũi mà tôi tự ghi chép mới. Tuy sợ bản ghi chép này có sự vừa hư vừa thật, nhưng ý tôi muốn khuyên người sau kính tin.

*“Đã nương bản cũ và miệng truyền
Đích thân nghe thấy lược soạn ghi
Lời hay lời dở quy trung đạo
Thấy nghe đều chứng Vô sinh nhãn”.*

Ngài Tăng Tường ở thời Tiền Đường, không biết Sư họ gì. Sư là người đạt thức nghe rộng mà ghi chép lại những sự ứng nghiệm về kinh Pháp Hoa để khuyên dụ các người ngu mê mờ tối, đặc biệt ghi chép các khoa mục biên xuất truyền dịch v.v... bao gồm suốt cả đầu đuôi của một dòng Pháp Hoa, thật là vô cùng kỳ diệu nên truyền bá lớn mạnh ở đời, làm vốn liếng cho người bàn nói. Nhưng chuyện chép có sai lầm là điều k tránh khỏi Tôi thường bày đọc sử truyện của chư tăng và các kinh lục v.v... bỗng thấy có bản ký truyện ký này, càng xét càng chất thật, nên

liền bảo các người thợ khắc bản gỗ, mong người học chớ nghi ngờ.

Ngày rằm tháng ba, năm Canh Tý thuộc niên hiệu Khánh Trường. Sa-môn Thích Viên Trí kính tin tại Lạc dương.

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA (TRỌN BỘ)

